

Số: 118/QĐ-ĐHCNTT-ĐTĐH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 9 năm 2015

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ  
cho hệ đại học chính quy của Trường Đại học Công nghệ Thông tin

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Căn cứ Quyết định số 134/2006/QĐ-TTg, ngày 08 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Công nghệ Thông tin (Trường ĐH CNTT) thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM);

Căn cứ Quyết định số 530/QĐ-ĐHQG-TCCB, ngày 03 tháng 7 năm 2006 của Giám đốc ĐHQG-HCM ban hành quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của Trường ĐH CNTT;

Căn cứ Biên bản cuộc họp về đào tạo đại học ngày 27 tháng 7 năm 2015 của Trường ĐH CNTT;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo Đại học,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo quyết định này “Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ cho hệ đại học chính quy của Trường Đại học Công nghệ Thông tin”.

**Điều 2.** Quyết định này thay thế các Quyết định số 28/QĐ-ĐHCNTT-ĐTĐH, ngày 28 tháng 01 năm 2013 và 136A/QĐ-ĐHCNTT-ĐTĐH ngày 22 tháng 08 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường ĐH CNTT.

**Điều 3.** Các Ông/Bà Trưởng các Phòng, Ban, Khoa, Bộ môn, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. / *thul*

Nơi nhận :

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐTĐH, *mt*



HIỆU TRƯỞNG

Dương Anh Đức

## QUY CHẾ

### ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ CHO HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

(Cập nhật từ Học kỳ I – Năm học 2015 – 2016)

(Ban hành theo Quyết định số 118/QĐ-ĐHCNTT-ĐTĐH ngày 05.1.9./2015

của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin)

Chương 1.	QUY ĐỊNH CHUNG .....	4
Điều 1.	Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng .....	4
Điều 2.	Mục tiêu và phương thức đào tạo .....	4
Điều 3.	Tín chỉ học tập – Tín chỉ học phí .....	4
Điều 4.	Học phần .....	6
Điều 5.	Học kỳ, năm học .....	8
Điều 6.	Khoá học .....	8
Điều 7.	Chương trình giáo dục .....	9
Chương 2.	TỔ CHỨC ĐÀO TẠO .....	11
Điều 8.	Chế độ học tập của sinh viên .....	11
Điều 9.	Bảo lưu kết quả trúng tuyển .....	12
Điều 10.	Tổ chức lớp .....	12
Điều 11.	Đăng ký chuyên ngành .....	13
Điều 12.	Thông báo kế hoạch đào tạo của Trường .....	13
Điều 13.	Đăng ký học tập .....	14
Điều 14.	Trách nhiệm của sinh viên và cố vấn học tập .....	15
Điều 15.	Xử lý học vụ .....	16
Điều 16.	Thôi học, tạm dừng học tập .....	17
Điều 17.	Học cùng lúc hai ngành đào tạo .....	17
Điều 18.	Điều kiện để chuyển ngành, chuyển trường .....	18
Chương 3.	KIỂM TRA VÀ THI HỌC PHẦN .....	20

Điều 19.	Điều kiện dự thi kết thúc học phần.....	20
Điều 20.	Đánh giá kết quả học tập của học phần.....	20
Điều 21.	Tổ chức các đợt thi tập trung.....	22
Điều 22.	Không hoàn tất học phần.....	22
Điều 23.	Điểm bảo lưu – Điểm M.....	23
Điều 24.	Cách quản lý điểm.....	23
Điều 25.	Cách tính điểm kiểm tra, điểm thi, xếp loại.....	24
Điều 26.	Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi, kết thúc học phần.....	24
Điều 27.	Chấm phúc khảo.....	25
Điều 28.	Xử lý kỷ luật đối với sinh viên và cán bộ viên chức vi phạm các quy định về thi, kiểm tra.....	26
Điều 29.	Cấp bằng điểm.....	26
Chương 4.	<b>CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP</b> .....	27
Điều 30.	Thực tập, làm khoá luận hoặc học chuyên đề tốt nghiệp.....	27
Điều 31.	Chấm thực tập, khoá luận tốt nghiệp.....	28
Điều 32.	Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp.....	29
Điều 33.	Cấp bằng tốt nghiệp.....	30
Chương 5.	<b>ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</b> .....	31

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

ĐHCNTT	Đại học Công nghệ Thông tin
ĐHQG-HCM	Đại học Quốc Gia Hồ Chí Minh
P. ĐTDH	Phòng Đào tạo Đại học
Bộ GD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
XHCN	Xã hội Chủ nghĩa
TCHP	Tín chỉ học phí
TCHPHL	Tín chỉ học phí học lại
TCHPCT	Tín chỉ học phí học cải thiện
TCHPHM	Tín chỉ học phí học mới
HPHK	Học phí học kỳ



## **Chương 1. QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

Quy chế này quy định những điều chung nhất về đào tạo hệ Đại học chính quy của Trường ĐHCNTT thuộc ĐHQG-HCM.

Quy chế này áp dụng đối với sinh viên các khóa đào tạo hệ chính quy ở trình độ đại học của Trường ĐHCNTT. Quy chế đào tạo của các chương trình đặc biệt của Trường được điều chỉnh cho phù hợp với đặc thù của chương trình dựa trên cơ sở quy chế này.

### **Điều 2. Mục tiêu và phương thức đào tạo**

Quá trình đào tạo của Trường ĐHCNTT nhằm mục đích tạo ra những con người có trình độ đại học, có chuẩn mực cao về kiến thức, có phẩm chất chính trị, đạo đức, có sức khỏe, đáp ứng được yêu cầu xây dựng và bảo vệ đất nước theo định hướng XHCN.

Phương thức đào tạo của Trường ĐHCNTT theo học chế tín chỉ, giúp cho sinh viên có thể tích lũy kiến thức trong mọi thời điểm, đồng thời cũng yêu cầu ở sinh viên tính tích cực, chủ động trong việc lập kế hoạch học tập cá nhân nhằm tạo nên hiệu quả cao trong học tập và rèn luyện.

### **Điều 3. Tín chỉ học tập – Tín chỉ học phí**

#### **3.1. Tín chỉ học tập:**

- Tín chỉ học tập: là đơn vị dùng để xác định thời gian, khối lượng học tập của sinh viên và khối lượng giảng dạy của giảng viên, đồng thời là đơn vị dùng để đánh giá kết quả học tập của sinh viên dựa trên số lượng tín chỉ học tập đã tích lũy được.
- Một tiết học được tính quy chuẩn bằng 50 phút.
- Một tín chỉ học tập được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thảo luận trên lớp, thí nghiệm, thực hành tại phòng máy hoặc 45 – 60 tiết thực tập, kiến tập, chuẩn bị khoá luận.
- Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm: để tiếp thu được một tín chỉ sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân (tự học) và giảng viên phải dành ít nhất 30 giờ để soạn giáo án, bài tập tình

huống, soạn đề cương chi tiết, chấm bài tập về nhà, bài thi, giải đáp cho sinh viên hoặc phát triển học phần.

- Số tiết, số tín chỉ, thời gian tự học, thời gian làm việc của giảng viên, cách đánh giá học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết của từng học phần.
- Sau đây tín chỉ học tập được gọi tắt là tín chỉ.

3.2. Tín chỉ học phí: là đơn vị dùng để lượng hóa chi phí của các hoạt động giảng dạy tính cho từng học phần. Số TCHP của mỗi học phần được xác định căn cứ vào đề cương và cách thức tổ chức học phần; cụ thể như sau:

- Phần giảng dạy lý thuyết tại lớp: 15 tiết tương đương với 1 TCHP.
- Phần giảng dạy thực hành, thí nghiệm, thảo luận: 15 tiết tương đương với 1 TCHP
- Một số học phần đặc biệt được xác định số TCHP riêng như: học phần Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất, Thực tập tốt nghiệp, Khóa luận tốt nghiệp, Đồ án môn học bao gồm chuyên đề nghiên cứu khoa học, seminar,... sẽ được Hiệu trưởng ban hành.
- Có 3 loại tín chỉ học phí:
  - i. Tín chỉ học phí học lại (TCHPHL): là tín chỉ học phí của học phần học lại.
  - ii. Tín chỉ học phí học cải thiện (TCHPCT): là tín chỉ học phí của học phần học cải thiện.
  - iii. Tín chỉ học phí học mới (TCHPHM): là tín chỉ học phí của học phần mới học lần đầu.

Đầu năm học, Trường sẽ công bố mức học phí cho mỗi loại tín chỉ học phí.

3.3. Nguyên tắc xác định học phí

- Học phí học kỳ (HPHK): là khoản tiền sinh viên phải đóng khi có đăng ký học phần mới trong học kỳ chính. HPHK không phụ thuộc vào số lượng tín chỉ sinh viên đăng ký học. Mức học phí học kỳ do Hiệu trưởng quyết định.
- Nguyên tắc xác định học phí:
  - i. Đối với học kỳ chính

Học phí mỗi học kỳ chính của sinh viên đang học tại Trường được xác định theo công thức sau:

$$\text{Học phí} = \text{HPhK} + \text{HPTCHL} \times \sum \text{TCHPHL} + \text{HPTCCT} \times \sum \text{TCHPCT}$$

Trong đó:

- HPhK: học phí học kỳ.
- HPTCHL: mức học phí cho loại tín chỉ học phí học lại.
- TCHPHL: số lượng tín chỉ học phí của môn học lại.
- HPTCCT: mức học phí cho loại tín chỉ học phí học cải thiện.
- TCHPCT: số lượng tín chỉ học phí của môn học cải thiện.

ii. Đối với học kỳ hè

Học phí mỗi học kỳ hè của sinh viên đang học tại Trường được xác định theo công thức sau:

$$\text{Học phí} = \text{HPTCHM} \times \sum \text{TCHPHM} + \text{HPTCHL} \times \sum \text{TCHPHL} + \text{HPTCCT} \times \sum \text{TCHPCT}$$

Trong đó:

- HPTCHM: mức học phí cho loại tín chỉ học phí học mới.
- TCHPHM: số lượng tín chỉ học phí của môn học mới.
- HPTCHL: mức học phí cho loại tín chỉ học phí học lại.
- TCHPHL: số lượng tín chỉ học phí của môn học lại.
- HPTCCT: mức học phí cho loại tín chỉ học phí học cải thiện.
- TCHPCT: số lượng tín chỉ học phí của môn học cải thiện.

iii. Đối với sinh viên quá hạn đào tạo nhưng được gia hạn để trả nợ (không học học phần mới) thì chỉ đóng học phí theo tín chỉ với mức học phí cho loại tín chỉ học phí học lại.

- Gia hạn thời gian nộp học phí: Nếu sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn không thể hoàn thành học phí đúng hạn thì phải làm đơn xin gia hạn đóng học phí và nộp về Phòng Kế hoạch – Tài chính trước thời hạn đóng học phí quy định ít nhất 2 tuần.

#### **Điều 4. Học phần**

4.1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho người học tích lũy trong quá trình học tập, nội dung được bố trí giảng dạy trong một



học kỳ. Mỗi học phần thực hành, thí nghiệm, kiến tập,... có khối lượng từ 1 – 3 tín chỉ, mỗi học phần lý thuyết hoặc học phần có cả lý thuyết và thực hành có khối lượng từ 2 – 4 tín chỉ. Khoá luận tốt nghiệp là học phần đặc biệt có khối lượng tương đương 10 tín chỉ.

Mỗi học phần được ký hiệu bằng một mã riêng, do Trường quy định.

#### 4.2. Các loại học phần

- Học phần bắt buộc: là học phần bắt buộc mọi sinh viên phải học và tích lũy (thi đạt) theo ngành hoặc chuyên ngành đã chọn.
- Học phần tự chọn: là học phần sinh viên có thể đăng ký học hay không tùy theo nguyện vọng.
- Học phần chung (Giáo dục Quốc phòng, Giáo dục Thể chất, Lý luận chính trị, Ngoại ngữ,...) là các học phần được giảng dạy và học tập chung cho các ngành theo quy định của Bộ GD&ĐT và hướng dẫn của ĐHQG-HCM.
- Học phần tự chọn định hướng: là học phần mà sinh viên phải chọn trong các học phần quy định cho một ngành học cụ thể.
- Học phần tiên quyết: là học phần bắt buộc sinh viên phải học trước và thi đạt mới được học tiếp sang học phần có liên quan khác.
- Học phần học trước: là học phần sinh viên phải học trước khi học các học phần có liên quan khác. Học phần học trước có thể thi đạt hoặc không đạt.
- Học phần song hành: Hai học phần được gọi là song hành khi sinh viên đăng ký học phần này thì bắt buộc phải đăng ký học phần kia.
- Học phần thay thế: là học phần được sử dụng khi một học phần thuộc chương trình giáo dục thay đổi hoặc điều chỉnh, không còn tổ chức giảng dạy. Học phần thay thế có thời lượng tương đương nhưng nội dung có thể khác với học phần không còn tổ chức giảng dạy, do khoa phụ trách chuyên môn quy định.
- Học phần tương đương: là học phần có nội dung kiến thức và thời lượng tương đương với một học phần khác.
- Học phần tích lũy: là học phần có kết quả tổng kết học phần được từ điểm 5,0 trở lên.
- Học phần mới: là học phần sinh viên đăng ký học lần đầu tiên.



- Học phần học lại: là học phần sinh viên đã học nhưng kết quả chưa đạt (điểm nhỏ hơn 5), sinh viên phải đăng ký học lại học phần đó.
- Học phần học cải thiện: là học phần sinh viên đã học có kết quả đạt (từ 5 điểm trở lên), nhưng muốn đăng ký học lại.

## **Điều 5. Học kỳ, năm học**

5.1. Học kỳ là thời gian để sinh viên hoàn thành một số học phần của chương trình đào tạo. Trong mỗi học kỳ có quy định khối lượng kiến thức tối thiểu buộc sinh viên phải tích lũy.

Một học kỳ chính có 15 tuần thực học và 2 đến 3 tuần dành cho đánh giá hoạt động đào tạo (thi cuối kỳ, thi giữa kỳ, kiểm tra,...). Một học kỳ hè có tối thiểu 5 tuần thực học và 1 tuần thi.

5.2. Năm học có 2 học kỳ chính. Tùy theo điều kiện, Trường có thể tổ chức thêm học kỳ hè dành cho những sinh viên thi không đạt ở các học kỳ chính được đăng ký học lại và những sinh viên học giỏi có điều kiện kết thúc sớm chương trình đào tạo.

Kế hoạch học tập của mỗi học kỳ và năm học bao gồm thời gian biểu tiến hành các hoạt động giảng dạy, học tập, lịch đánh giá hoạt động đào tạo, kể cả các ngày nghỉ lễ Tết, nghỉ hè. Kế hoạch học tập được công bố rộng rãi trên website Trường và bản tin, sổ tay sinh viên.

## **Điều 6. Khoá học**

6.1. Khóa học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành chương trình giáo dục của một ngành chuyên môn ở trình độ đại học.

Một khóa học của Trường ĐHCNTT được thực hiện như sau: 4,5 năm đối với các ngành đào tạo kỹ sư và 4 năm đối với các ngành đào tạo cử nhân.

Tổng số tín chỉ của mỗi chương trình giáo dục (không kể Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất) do Hiệu trưởng quyết định ban hành.

6.2. Tùy theo khả năng học tập, sinh viên được rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học như sau: Sinh viên được phép rút ngắn tối đa 2 học kỳ chính và kéo dài tối đa 4 học kỳ chính. Quá thời hạn tối đa của khóa học, sinh viên sẽ bị xóa tên khỏi danh sách sinh viên chính quy của Trường. Nếu sinh viên có nguyện vọng tiếp

tục hoàn thành chương trình đào tạo có thể làm đơn để được xem xét hưởng chế độ như sinh viên tự do được quy định tại Khoản 2, Điều 8 của quy chế này.

- 6.3. Các sinh viên được hưởng chính sách ưu tiên (nhóm ưu tiên 1 và 2 theo quy chế xét tuyển đại học, cao đẳng) được kéo dài thêm 2 học kỳ chính so với quy định tại Khoản 2, Điều 6 của quy chế này.
- 6.4. Căn cứ vào tình hình thực tế đào tạo, Hiệu trưởng có thể quy định mở rộng thời gian tối đa của một khóa đào tạo nhưng không vượt quá 02 lần thời gian thiết kế cho khóa học.

## **Điều 7. Chương trình giáo dục**

7.1. Chương trình giáo dục của mỗi ngành đào tạo do Trường xây dựng phù hợp với các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT và ĐHQG-HCM, được bổ sung cập nhật nội dung chương trình giáo dục tiên tiến quốc tế theo định hướng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu phát triển khoa học, công nghệ, kinh tế, xã hội đất nước và hội nhập quốc tế. Chương trình phải thể hiện rõ trình độ - đối tượng đào tạo, mục tiêu giáo dục, cơ cấu nội dung các học phần, thời gian - phương pháp đào tạo, tỷ lệ phân bổ thời gian đào tạo giữa các học phần cơ bản và chuyên ngành, giữa lý thuyết và thực hành, có khả năng liên thông giữa các bậc và các ngành đào tạo khác, điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp. Tổng số tín chỉ của các chương trình giáo dục tối thiểu là 140 tín chỉ đối với chương trình đào tạo Kỹ sư và 120 tín chỉ đối với chương trình đào tạo Cử nhân. Chương trình giáo dục được Hiệu trưởng phê duyệt theo đề nghị của Trưởng khoa/Trưởng bộ môn quản lý ngành đào tạo và Trường P. ĐTDH.

7.2. Chương trình giáo dục bao gồm hai khối kiến thức:

- a. Khối kiến thức giáo dục đại cương và cơ sở nhóm ngành bao gồm các học phần thuộc các lĩnh vực: Lý luận chính trị, Khoa học xã hội và nhân văn, Khoa học tự nhiên và Toán, Ngoại ngữ, Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất và các kiến thức cơ bản chung cho nhóm ngành Công nghệ Thông tin, nhằm trang bị cho sinh viên nền học vấn rộng để tiếp thu tốt kiến thức



chuyên môn, tạo tiềm lực cho người được đào tạo dễ dàng thích nghi với môi trường làm việc, tự cập nhật kiến thức trước tình hình phát triển nhanh của khoa học và công nghệ. Khối kiến thức này được tổ chức đào tạo chủ yếu trong 4 học kỳ đầu.

b. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm các học phần cơ sở phục vụ chuyên ngành và các học phần chuyên ngành nhằm cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cần thiết. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp được quy định cụ thể trong từng chương trình đào tạo.

7.3. Mỗi khối kiến thức có 2 nhóm học phần như sau:

a. Nhóm học phần bắt buộc gồm những học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của ngành đào tạo, bắt buộc sinh viên phải đăng ký học và tích lũy.

b. Nhóm học phần tự chọn gồm những học phần chứa đựng những nội dung cần thiết nhưng sinh viên chọn lựa để tích lũy đủ số tín chỉ quy định. Sinh viên chọn lựa những học phần này theo hướng dẫn của cố vấn học tập.

7.4. Các học phần trong chương trình đào tạo được sắp xếp theo trình tự nhất định vào từng học kỳ của khóa đào tạo. Đây là trình tự mà Trường khuyến cáo sinh viên nên tuân thủ để thuận lợi nhất cho việc tiếp thu kiến thức.



## Chương 2. TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

### Điều 8. Chế độ học tập của sinh viên

#### 8.1. Sinh viên chính quy

- Sinh viên chính quy là các thí sinh trúng tuyển vào hệ chính quy và đã hoàn tất các thủ tục nhập học theo quy định của Trường.
- Trường tổ chức đào tạo theo phương thức chính quy tập trung toàn thời gian cho sinh viên hệ chính quy.
- Mỗi sinh viên hệ chính quy đều có một mã số riêng theo quy định của Trường.
- Sinh viên phải chấp hành quy chế hiện hành về công tác sinh viên của Trường ĐHCNTT và các chính sách dành cho sinh viên hệ chính quy.

#### 8.2. Sinh viên tự do

- Là những sinh viên không thuộc diện quản lý sinh viên của Trường, được Trường cho phép đăng ký học dự thính một số học phần nhằm đáp ứng mục đích, yêu cầu riêng.
- Sinh viên tự do không được hưởng chính sách dành cho sinh viên chính quy, phải đóng học phí theo mức riêng do không được hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước.
- Các trường hợp sau đây được gọi là sinh viên tự do:
  - i. Nguyên là sinh viên chính quy của Trường, không bị kỷ luật đến mức buộc thôi học, đã hết thời hạn tối đa của khóa học nhưng chưa quá 2 lần thời hạn này và chưa đủ điều kiện tốt nghiệp do còn nợ một số học phần. Những sinh viên này có thể nộp đơn xin phép học dự thính những học phần còn thiếu để hoàn tất chương trình đào tạo mà sinh viên đã theo học trước đây. Đối với từng trường hợp cụ thể ở tại thời điểm xem xét, các sinh viên này có thể sẽ được yêu cầu học bổ sung hoặc học lại một số học phần đã quá thời hạn đào tạo và có nội dung thay đổi đáng kể so với chương trình đào tạo tại thời điểm xét tốt nghiệp. Căn cứ đề nghị của Khoa/bộ môn quản lý ngành đào tạo và P. ĐTDH, Hiệu trưởng

quyết định các học phần sinh viên phải học lại để được xét cấp bằng tốt nghiệp.

- ii. Sinh viên các trường khác có nhu cầu học bổ túc kiến thức một số học phần, được Trường xem xét cho phép đăng ký học dự thính.
  - iii. Những cá nhân khác có nhu cầu bổ túc kiến thức phục vụ cho công việc cá nhân và được sự chấp thuận của Hiệu trưởng.
- Sinh viên tự do được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận kết quả các học phần nếu thực hiện đầy đủ các quy định về đào tạo của Trường.

### 8.3. Sinh viên và năm học

Sinh viên năm thứ  $k$  (tính từ thời điểm sinh viên bắt đầu học) của một ngành và khóa học được xác định như sau: đạt số tín chỉ tích lũy  $n$  (theo đúng chương trình đào tạo tương ứng tại thời điểm đang xét) thỏa điều kiện:  $(k-1) \times 30 \leq n < k \times 30$ .

## Điều 9. Bảo lưu kết quả trúng tuyển

Sau khi được xét trúng tuyển vào trường, do một số hoàn cảnh đặc biệt như bệnh tật, tai nạn, hoàn cảnh khó khăn xảy ra đột xuất, thí sinh trúng tuyển có thể xin bảo lưu kết quả. Thí sinh trúng tuyển phải nộp đơn xin bảo lưu chậm nhất 15 ngày kể từ ngày gọi nhập học cho P. ĐTĐH của Trường và chỉ được bảo lưu khi có quyết định chấp thuận của Hiệu trưởng.

Thời gian bảo lưu kết quả trúng tuyển không quá 01 năm. Muốn nhập học lại, thí sinh phải làm đơn xin nhập học kèm theo quyết định bảo lưu nộp P. ĐTĐH của Trường trước khi bắt đầu năm học mới ít nhất 1 tháng để được giải quyết.

## Điều 10. Tổ chức lớp

10.1. Lớp học phần: Những sinh viên theo học cùng một học phần trong cùng một khoảng thời gian và cùng một giảng viên tạo thành một lớp học phần. Mỗi lớp học phần được ký hiệu bằng một mã số riêng do Trường quy định. Lớp học phần sẽ được mở nếu số lượng sinh viên đăng ký:

- Tối thiểu là 50 sinh viên đối với các môn cơ bản chung, các môn cơ sở nhóm ngành.
- Tối thiểu là 30 sinh viên đối với các môn còn lại.



- Trong trường hợp đặc biệt, nếu số lượng sinh viên ít hơn mức tối thiểu, Hiệu trưởng sẽ xem xét cho phép mở lớp theo đề nghị của Khoa/bộ môn quản lý ngành đào tạo và P.ĐTĐH
- Các học phần như Thực tập tốt nghiệp, Khóa luận tốt nghiệp, Đồ án môn học được mở không hạn chế số lượng.

10.2. Lớp sinh hoạt: Lớp sinh hoạt được tổ chức theo khóa, khoa, chương trình, ngành và chuyên ngành đào tạo. Lớp sinh hoạt được giữ ổn định trong suốt các năm học để triển khai các hoạt động có liên quan đến công tác học tập, rèn luyện của sinh viên.

### **Điều 11. Đăng ký chuyên ngành**

Sau khi học xong học kỳ thứ 5, sinh viên sẽ đăng ký chọn chuyên ngành theo nguyện vọng.

Việc xét đăng ký chuyên ngành sẽ dựa vào:

- Chỉ tiêu tuyển của mỗi chuyên ngành (chỉ tiêu do Khoa/bộ môn quản lý ngành đào tạo quyết định).
- Điểm trung bình chung tích lũy theo nguyện vọng. Sinh viên có thể được đăng ký 2 nguyện vọng, nếu không đạt nguyện vọng 1, sinh viên sẽ được xem xét nguyện vọng 2. Nếu nguyện vọng 2 không đạt thì sinh viên được sắp vào chuyên ngành chưa đủ chỉ tiêu.

### **Điều 12. Thông báo kế hoạch đào tạo của Trường**

12.1. Đầu khoá học, Trường có trách nhiệm thông báo cho sinh viên về:

- Chương trình giáo dục toàn khóa cho từng ngành học.
- Quy chế học tập và các quy định của Trường.
- Quyền lợi và nghĩa vụ của sinh viên.

12.2. Đầu mỗi năm học, Trường có trách nhiệm thông báo cho sinh viên về:

- Kế hoạch giảng dạy, học tập của năm học.
- Các cập nhật hoặc thay đổi trong chương trình đào tạo, đề cương môn học, học phí (nếu có).

12.3. Đầu mỗi học kỳ, Trường có trách nhiệm thông báo cho sinh viên về:

- Thời khóa biểu giảng dạy, học tập của học kỳ.



- Danh mục các học phần và số lượng tín chỉ của mỗi học phần dự kiến giảng dạy trong học kỳ, điều kiện để đăng ký học các học phần đó.
- Số lớp học dự kiến tổ chức cho mỗi học phần và thời khoá biểu cho các lớp học.

### **Điều 13. Đăng ký học tập**

Đầu mỗi học kỳ, sinh viên phải tìm hiểu, nghiên cứu để nắm được chương trình giáo dục, các học phần được mở trong học kỳ và đăng ký các học phần qua hệ thống đăng ký hoặc bằng phiếu đăng ký theo quy định của Trường.

Riêng sinh viên khóa tuyển mới, học kỳ đầu tiên sẽ học theo thời khóa biểu được xếp sẵn theo kế hoạch giảng dạy.

#### 13.1. Số tín chỉ tối thiểu, tối đa

##### a. Trong học kỳ chính:

- Số tín chỉ đăng ký học  $n$  trong mỗi học kỳ chính (bao gồm học lại, cải thiện và học mới) thỏa điều kiện  $14 \leq n < 30$ . Tuy nhiên, tính đến thời điểm đăng ký học phần, nếu sinh viên có điểm trung bình chung tích lũy  $< 6,0$  thì chỉ được đăng ký tối đa 25 tín chỉ.
- Đối với những sinh viên còn phải học ít hơn 14 tín chỉ theo chương trình đào tạo của ngành, khóa học tương ứng thì không áp dụng quy định số tín chỉ tối thiểu.

##### b. Trong học kỳ hè:

- Sinh viên chỉ được đăng ký học lại và cải thiện điểm với tổng số tín chỉ đăng ký không được vượt quá 12 tín chỉ.
- Việc đăng ký học phần mới trong học kỳ hè (học vượt) chỉ dành cho các sinh viên có điểm trung bình tích lũy đến thời điểm đăng ký  $\geq 8,0$ .
- Trong trường hợp đặc biệt sinh viên muốn đăng ký vượt quá số tín chỉ tối đa hoặc ít hơn số tín chỉ tối thiểu phải được sự đồng ý của Hiệu trưởng.

13.2. Học lại: Sinh viên phải đăng ký học lại các học phần bắt buộc có điểm học phần dưới 5,0 ở các học kỳ trước. Đối với các học phần tự chọn, nếu điểm dưới 5,0 sinh viên được phép đăng ký học lại học phần đó hoặc chọn học phần khác thay thế trong số các học phần tự chọn quy định cho mỗi ngành đào tạo.

Nếu sinh viên đăng ký học phần tự chọn khác để thay thế thì phải làm đơn xin hủy học phần tự chọn thi không đạt trước đây vào cuối khóa học.

### 13.3. Học cải thiện điểm

Đối với học phần có kết quả đạt (ngoại trừ học phần Ngoại ngữ), sinh viên muốn cải thiện điểm phải đăng ký học lại học phần đó theo quy định sau:

- Sinh viên chỉ được cải thiện trong vòng hai học kỳ chính và một học kỳ hè tiếp theo học kỳ sinh viên học lần đầu tiên.
- Trường sẽ hủy kết quả cũ, điểm của lần thi cải thiện sẽ là điểm tổng kết của học phần này.
- Tổng số tín chỉ đăng ký học cải thiện ở học kỳ nào thì được tính vào tổng số tín chỉ đăng ký học ở học kỳ đó theo quy định tại Khoản 1 Điều 13 của quy chế này.
- Tổng số tín chỉ học cải thiện trong quá trình học không được vượt quá 10% tổng số tín chỉ toàn khóa được quy định trong chương trình đào tạo của ngành, khóa học tương ứng. Trong trường hợp đặc biệt, sinh viên có thể làm đơn để Hiệu trưởng xem xét giải quyết.

13.4. Việc đăng ký học phần cải thiện được thực hiện theo quy trình đăng ký học phần của Trường.

## **Điều 14. Trách nhiệm của sinh viên và cố vấn học tập**

14.1. Sinh viên có trách nhiệm theo dõi kết quả đăng ký học phần tại P. ĐTDH hoặc văn phòng Khoa/bộ môn quản lý ngành đào tạo. Kết quả đăng ký học phần của mỗi sinh viên được thông báo ở phiếu học tập hoặc trên website của Trường. Kết quả đăng ký học phần thể hiện: tên học phần, mã học phần, số tín chỉ của mỗi học phần, lịch học của các học phần.

14.2. Sinh viên có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các yêu cầu như lên lớp, làm bài tập, thực hành, thí nghiệm, tham gia thảo luận, dự kiểm tra thường kỳ và thi kết thúc học phần.

14.3. Mỗi lớp sinh hoạt có một Cố vấn học tập. Cố vấn học tập do Trường khoa/Trưởng bộ môn quản lý ngành đào tạo đề nghị và Hiệu trưởng ra quyết định bổ nhiệm. Nhiệm vụ chính của cố vấn học tập là hướng dẫn cho sinh viên

thực hiện quy chế và những quy định của Trường, giúp đỡ sinh viên lập kế hoạch học tập, lựa chọn chuyên ngành, đăng ký các học phần tự chọn định hướng cho ngành học của mình, tư vấn cho sinh viên sinh hoạt, rèn luyện và tham gia công tác đoàn thể, xã hội.

### **Điều 15. Xử lý học vụ**

Hàng năm, Trường sẽ tiến hành xử lý học vụ theo 2 đợt: sau học kỳ 1 và sau học kỳ hè. Kết quả học tập của học kỳ hè sẽ được tính chung vào kết quả học tập học kỳ 2 của năm học tương ứng để xem xét xử lý học vụ.

#### **15.1. Cảnh cáo học vụ**

Sinh viên bị cảnh cáo học vụ nếu vi phạm một trong những trường hợp sau đây:

- Không hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng quy định.
- Có điểm trung bình chung học kỳ đang xét dưới 3,0 hoặc điểm trung bình chung của liên tiếp 2 học kỳ gần nhất đều dưới 4.0.

Thời hạn cảnh cáo học vụ kéo dài trong một học kỳ chính tiếp theo.

Sinh viên bị cảnh cáo học vụ vì kết quả học tập chỉ được đăng ký học lại các học phần chưa đạt.

#### **15.2. Đình chỉ học tập**

Sinh viên bị đình chỉ học tập 1 năm học nếu vi phạm lần đầu trong việc đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ.

#### **15.3. Buộc thôi học**

Sinh viên bị buộc thôi học nếu vi phạm một trong những trường hợp sau đây:

- Tự ý bỏ học (không đăng ký học phần) hoặc bỏ thi (không phải thuộc diện cấm thi) từ một học kỳ chính trở lên (điểm trung bình chung học kỳ bằng 0).
- Đã hết thời gian tối đa hoàn thành khóa học.
- Bị cảnh cáo học vụ lần thứ hai liên tiếp.
- Bị đình chỉ học tập lần thứ hai.
- Vi phạm kỷ luật có tính chất và mức độ nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đến Trường và xã hội; hoặc vi phạm pháp luật bị xử phạt tù (kể cả trường hợp được hưởng án treo).



Sinh viên thuộc diện buộc thôi học bị xóa tên khỏi danh sách sinh viên chính thức của Trường. Trường có trách nhiệm thông báo về địa phương và gia đình sinh viên biết chậm nhất một tháng sau khi có quyết định buộc thôi học.

Sinh viên thuộc diện buộc thôi học vì kết quả học tập, có nguyện vọng chuyển trường hoặc chuyển sang hệ đào tạo ngoài chính quy của Trường (nếu có) phải làm đơn để Trường xem xét từng trường hợp cụ thể.

#### **Điều 16. Thôi học, tạm dừng học tập**

16.1. Trường hợp vì hoàn cảnh cá nhân, sinh viên có thể gửi đơn xin thôi học. Trường sẽ xem xét ra quyết định cho phép thôi học và xóa tên khỏi danh sách sinh viên.

16.2. Sinh viên được quyền xin tạm dừng học tập và được bảo lưu kết quả học tập trong các trường hợp sau:

- Được điều động vào lực lượng vũ trang.
- Bị đau ốm hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, có giấy xác nhận của cơ quan y tế đủ thẩm quyền.
- Trường hợp vì lý do cá nhân, sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở Trường và không rơi vào các trường hợp bị đình chỉ học tập, có xác nhận của gia đình và giấy tờ liên quan hợp lệ.

16.3. Thời gian tạm dừng học tập từ một đến tối đa hai học kỳ chính liên tiếp, được tính vào thời gian tối đa hoàn thành khóa học được quy định tại Điều 6 của quy chế này, ngoại trừ trường hợp thi hành nghĩa vụ quân sự.

16.4. Sinh viên tạm dừng học tập, khi muốn trở lại học tiếp tại Trường phải hoàn tất thủ tục nhập học theo quy định của Trường.

#### **Điều 17. Học cùng lúc hai ngành đào tạo**

17.1. Sinh viên học cùng lúc hai ngành đào tạo là sinh viên có nhu cầu đăng ký học thêm một ngành đào tạo thứ hai khác với ngành đào tạo chính khi sinh viên đăng ký xét tuyển vào Trường để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng.

17.2. Điều kiện để học cùng lúc hai ngành:

- Sinh viên phải tích lũy được số tín chỉ tương đương 3 học kỳ đầu tiên theo chương trình đào tạo.
- Sinh viên phải đạt học lực từ "Giỏi" trở lên tại thời điểm xin học ngành thứ hai.

17.3. Sinh viên đang học ngành thứ hai, nếu rơi vào diện bị xếp loại học lực "Trung bình" của một trong hai ngành thì phải dừng học ngành thứ hai ở học kỳ tiếp theo.

17.4. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai ngành là thời gian tối đa quy định cho ngành học thứ nhất được quy định tại Khoản 2 Điều 6 của quy chế này.

17.5. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp ngành thứ hai nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ngành thứ nhất.

**Điều 18. Điều kiện để chuyển ngành, chuyển trường**

18.1. Chuyển ngành

Sinh viên được xem xét chuyển ngành nếu có đủ các điều kiện sau:

- Đã tham dự kỳ thi trung học phổ thông quốc gia, đồng thời có điểm xét tuyển bằng hoặc cao hơn điểm trúng tuyển của ngành xin chuyển đến (đối với các khóa trước năm 2015 là kết quả kỳ thi tuyển sinh vào Đại học, Cao đẳng).
- Không phải là sinh viên năm thứ nhất hoặc năm cuối của thời gian thiết kế khóa học.
- Không trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.
- Đạt số tín chỉ tích lũy tối thiểu quy định tại Khoản 3 Điều 8 và có điểm trung bình chung tích lũy từ 6,5 trở lên.
- Được sự chấp thuận của Trường khoa/Trường bộ môn quản lý ngành đào tạo (nơi chuyển đến) và Trường khoa/Trường bộ môn quản lý ngành đào tạo (nơi chuyển đi).

18.2. Chuyển trường

Sinh viên được chuyển trường nếu có đủ các điều kiện sau:

- Trong thời gian học tập, nếu gia đình sinh viên chuyển hộ khẩu thường trú, chuyển nơi công tác hoặc sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, cần thiết phải chuyển đến trường gần nơi cư trú của gia đình để có điều kiện học tập;
- Trường xin chuyển đi và trường tiếp nhận có cùng ngành học hoặc cùng nhóm ngành đào tạo;
- Được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường xin chuyển đi và Hiệu trưởng trường tiếp nhận.

Sinh viên không được phép chuyển trường trong các trường hợp sau:

- Sinh viên đã tham dự kỳ thi trung học phổ thông quốc gia, đồng thời dự tuyển vào trường nhưng không trúng tuyển hoặc có kết quả thi thấp hơn điểm xét trúng tuyển của trường, ngành xin chuyển đến (đối với các khóa trước năm 2015 là kết quả kỳ thi tuyển sinh vào Đại học, Cao đẳng).
- Sinh viên có hộ khẩu thường trú thuộc diện nằm ngoài vùng tuyển quy định của trường xin chuyển đến.
- Sinh viên năm thứ nhất hoặc năm cuối của thời gian thiết kế khóa học.
- Sinh viên đang chịu mức kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

Sinh viên xin chuyển trường phải có hồ sơ xin chuyển trường theo mẫu quy định thống nhất của Bộ GD&ĐT.



### Chương 3. KIỂM TRA VÀ THI HỌC PHẦN

#### Điều 19. Điều kiện dự thi kết thúc học phần

19.1. Sinh viên được dự thi kết thúc học phần nếu hội đủ các điều kiện sau đây:

a. Học phần lý thuyết:

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên thời gian quy định cho học phần đó, trừ những sinh viên được Hiệu trưởng cho phép học thêm ngành chuyên môn khác.
- Sinh viên phải dự đủ các đợt kiểm tra giữa học kỳ và các buổi thảo luận ở lớp.

b. Học phần thực hành:

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ thời gian quy định cho học phần thực hành.
- Nộp đầy đủ các bài kiểm tra sau mỗi bài thực tập.

19.2. Sinh viên nào không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần nào thì phải đăng ký học lại học phần đó ở học kỳ sau.

#### Điều 20. Đánh giá kết quả học tập của học phần

20.1. Thang điểm đánh giá

Các loại điểm của học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 4 và thang điểm chữ chỉ mang tính tham khảo, chuyển đổi khi cần thiết, không dùng để ghi và phân loại đánh giá.

**Bảng xếp loại và thang điểm tương ứng**

Loại	Điểm trung bình	Xếp loại
Đạt	Từ 9 đến 10	Xuất sắc
	Từ 8 đến cận 9	Giỏi
	Từ 7 đến cận 8	Khá
	Từ 6 đến cận 7	Trung bình khá
	Từ 5 đến cận 6	Trung bình
Không đạt	Từ 4 đến cận 5	Yếu
	Dưới 4	Kém

**Bảng thang điểm quy đổi**

<b>Thang điểm 10</b>	<b>Điểm 4</b>	<b>Điểm chữ</b>
9,0 đến 10,0	4,0	A+
8,0 đến cận 9,0	3,5	A
7,0 đến cận 8,0	3,0	B+
6,0 đến cận 7,0	2,5	B
5,0 đến cận 6,0	2,0	C
4,0 đến cận 5,0	1,5	D+
3,0 đến cận 4,0	1,0	D
< 3,0	0,0	F

20.2. Điểm cuối cùng để đánh giá một học phần được gọi là điểm học phần. Điểm học phần được đánh giá dựa trên kết quả học tập toàn diện của sinh viên trong suốt học kỳ đối với học phần đó.

Ngoài điểm thi kết thúc học phần, điểm học phần có thể bao gồm các loại điểm thành phần sau:

- Điểm kiểm tra giữa học kỳ.
- Điểm đánh giá năng lực hoặc nhận thức của sinh viên trong các buổi thảo luận.
- Điểm đánh giá kết quả thực hành hoặc bài tập.
- Điểm đánh giá mức độ chuyên cần của sinh viên trong quá trình học tập.

Mỗi loại điểm thành phần có hệ số riêng được quy định trong đề cương chi tiết của từng học phần và được cán bộ giảng dạy thông báo rộng rãi đến sinh viên trong tuần đầu tiên của học kỳ. Điểm học phần sẽ là điểm trung bình tính theo hệ số của điểm thi kết thúc học phần và các điểm thành phần, tính theo thang điểm 10 và được làm tròn đến 0,1.

Đối với các học phần đã đăng ký và đã được chấp thuận, sinh viên có trách nhiệm thực hiện đầy đủ và nghiêm túc mọi yêu cầu của cán bộ giảng dạy về việc lên lớp, làm bài tập, thực hành, thí nghiệm, tham gia thảo luận, dự kiểm tra giữa học phần và kết thúc học phần. Nếu không thực hiện phần việc nào, sinh viên sẽ nhận điểm không (0) cho điểm thành phần tương ứng.



20.3. Học phần có điểm từ 5,0 trở lên được coi là học phần tích lũy, số tín chỉ của học phần này được tính vào số tín chỉ tích lũy.

20.4. Cách tính điểm cuối cùng của một học phần được quy định tại Điều 25 của quy chế này.

### **Điều 21. Tổ chức các đợt thi tập trung**

Mỗi học kỳ chính Trường tổ chức một kỳ kiểm tra giữa kỳ và một kỳ thi kết thúc học kỳ. Hai đợt thi được tổ chức tập trung theo kế hoạch giảng dạy và học tập của Trường. Khoa/bộ môn hoặc giảng viên không được tổ chức thi ngoài các đợt đã thông báo.

Hiệu trưởng quy định thời gian ôn thi và thi.

### **Điều 22. Không hoàn tất học phần**

Vì những lý do chính đáng không thể dự thi, kiểm tra (ốm đau, tai nạn, việc gia đình đột xuất,...) sinh viên sẽ được xem xét giải quyết cho nhận điểm chưa hoàn tất học phần (hoãn thi), ký hiệu bằng chữ I.

22.1. Trước khi kết thúc học kỳ, sinh viên phải nộp đơn trình bày rõ lý do không thể hoàn tất học phần cùng các giấy tờ xác nhận cần thiết cho cán bộ giảng dạy học phần đó và P. ĐTDH. Trường hợp đột xuất và có lý do chính đáng, sinh viên phải nộp trong vòng 3 ngày kể từ ngày thi để được xem xét.

22.2. Cán bộ giảng dạy phụ trách học phần, Khoa/bộ môn quản lý ngành đào tạo và P. ĐTDH sẽ xem xét và quyết định sinh viên có được nhận điểm I hay không. Nếu không được chấp thuận, sinh viên tự ý bỏ thi sẽ nhận điểm không (0) cho học phần đó.

22.3. Nếu được nhận điểm I, trong thời gian tối đa là 2 học kỳ chính tiếp theo, sinh viên phải làm đơn đăng ký thi lại học phần đó. Sau khi thi, điểm I sẽ được đổi thành điểm mà sinh viên đạt được. Ngược lại, qua hai học kỳ, nếu sinh viên không đăng ký thi lại thì điểm I sẽ bị đổi thành điểm không (0).

22.4. Sinh viên nhận điểm I trong học kỳ nào sẽ không được xét học bổng khuyến khích của học kỳ đó.



### **Điều 23. Điểm bảo lưu – Điểm M**

- 23.1. Sinh viên đã thi đạt yêu cầu một học phần ở một cơ sở đào tạo bậc Đại học khác trong thời gian không quá 5 năm nếu muốn xin miễn học phần đó, cần phải làm đơn kèm theo xác nhận (số tiết học, số tín chỉ và điểm) gửi về P. ĐTDH của Trường trong vòng 1 tháng sau khi bắt đầu học kỳ. Trường có thể yêu cầu sinh viên cung cấp đề cương chi tiết của học phần có xác nhận của nơi sinh viên đã học. Nếu được chấp thuận thì học phần đó sẽ được điểm mà sinh viên đã đạt và kèm theo chữ bảo lưu (BL).
- 23.2. Trong trường hợp sinh viên đã đạt được kết quả cho một học phần ở một cơ sở đào tạo bậc Đại học khác mà điểm không xác định cụ thể, sinh viên phải làm đơn kèm xác nhận về P. ĐTDH để xem xét. Trong trường hợp đó, P. ĐTDH sẽ ghi điểm học phần bằng ký hiệu (M) để phân biệt với loại điểm mà sinh viên tích lũy được bằng cách thi.
- 23.3. Nếu muốn nhận điểm cao hơn điểm bảo lưu hoặc không muốn nhận điểm M nói trên, sinh viên phải đăng ký học và dự thi học phần đó.
- 23.4. Điểm bảo lưu không tham gia tính vào điểm trung bình chung học kỳ nhưng tính vào điểm trung bình chung tích lũy.

### **Điều 24. Cách quản lý điểm**

- 24.1. Điểm trung bình chung học tập của mỗi học kỳ (điểm trung bình chung học kỳ), mỗi năm học hay của khóa học là điểm tính theo kết quả của các học phần mà sinh viên đã đăng ký học tại Trường (không tính điểm bảo lưu, điểm I, điểm M).
- 24.2. Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học được tính khi sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp là điểm tính theo kết quả của các học phần đạt từ điểm 5,0 trở lên mà sinh viên đã đăng ký học tại Trường (kể cả các học phần có điểm bảo lưu).
- 24.3. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình tính theo kết quả của tất cả các học phần mà sinh viên đã đăng ký học (bao gồm cả điểm bảo lưu) từ lúc bắt đầu khóa học đến thời điểm được xem xét.

- 24.4. Cách tính điểm trung bình chung học kỳ, trung bình chung tích lũy và trung bình tích lũy toàn khóa học được quy định tại Điều 25 của quy chế này.
- 24.5. Kết quả học tập của học kỳ hè (nếu có) được tính chung vào học kỳ liền kề trước đó.
- 24.6. Học phần có kết quả từ 5,0 điểm trở lên được bảo lưu khi sinh viên học thêm một ngành học mới trong Trường. Điểm bảo lưu được tính vào điểm trung bình tích lũy của ngành học đó.
- 24.7. Không tính kết quả thi các học phần Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất vào điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy. Việc đánh giá kết quả và điều kiện cấp chứng chỉ đối với học phần này theo quy định riêng của Bộ GD&ĐT.

**Điều 25. Cách tính điểm kiểm tra, điểm thi, xếp loại**

- 25.1. Điểm kiểm tra, điểm thi kết thúc học phần, điểm học phần được chấm theo thang điểm từ 0 đến 10 và làm tròn đến 0,5.
- 25.2. Điểm trung bình chung học kỳ, trung bình chung tích lũy và trung bình tích lũy toàn khóa học được tính và làm tròn đến 0,01.
- 25.3. Điểm trung bình chung học kỳ, năm học, trung bình chung tích lũy và trung bình tích lũy toàn khóa học được tính theo công thức sau:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^N a_i \cdot n_i}{\sum_{i=1}^N n_i}$$

Trong đó:

- A là điểm trung bình;
  - $a_i$  là điểm học phần của học phần thứ i trong khoảng thời gian đang xét;
  - $n_i$  là số tín chỉ tương ứng của học phần thứ i;
  - N là tổng số học phần.
- 25.4. Xếp loại kết quả học tập học kỳ, năm học và tốt nghiệp (tham chiếu đến bảng Xếp loại và thang điểm tương ứng tại Điều 20 của quy chế này).

**Điều 26. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi, kết thúc học phần**

- 26.1. Việc kiểm tra giữa học kỳ do cán bộ giảng dạy học phần đó chuẩn bị theo đúng chương trình đã công bố từ đầu học kỳ, được Trưởng khoa/Trưởng bộ



môn quản lý ngành đào tạo duyệt và phải được tổ chức tập trung cùng thời gian do Trường quy định.

26.2. Cuối học kỳ bắt buộc phải có điểm thi kết thúc học phần (điểm cuối kỳ), chiếm tỷ lệ tối thiểu là 50%, trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.

- Hình thức thi học phần có thể là thi viết, trắc nghiệm, vấn đáp hoặc kết hợp giữa các hình thức trên.
- Các lớp học cùng một học phần trong một học kỳ bắt buộc phải thi cùng một đề thi, cùng thời gian và cùng một hình thức thi.
- Đối với hình thức thi vấn đáp, đề thi gồm bộ các câu hỏi liên quan đến nội dung môn học, cán bộ chấm thi sử dụng các câu hỏi trong đề thi để vấn đáp sinh viên. Bộ câu hỏi phải đảm bảo đủ tính khách quan, công bằng và bao phủ toàn bộ kiến thức trong chương trình môn học.
- Hiệu trưởng hoặc người được Hiệu trưởng ủy quyền duyệt các hình thức thi thích hợp cho từng học phần theo đề nghị của Trường khoa/Trường bộ môn quản lý ngành đào tạo.

26.3. Quy trình chấm thi kết thúc học phần do Hiệu trưởng quy định tùy theo hình thức thi, sao cho bảo đảm tính công bằng và nghiêm túc.

Đối với hình thức thi vấn đáp, phải có ít nhất 2 giảng viên có trình độ tối thiểu tương đương với chuẩn giảng viên lý thuyết của học phần đó cùng chấm trong một buổi thi.

Đối với các học phần được triển khai giảng dạy chung (các môn học đại cương và cơ sở nhóm ngành) thì cán bộ chấm thi lý thuyết cho một lớp học phải khác với giảng viên giảng dạy lý thuyết của lớp học đó.

26.4. Các bảng điểm thi (theo mẫu của Trường) phải có chữ ký của cán bộ chấm thi, có xác nhận của Trường khoa/Trường bộ môn và được gửi về P. ĐTDH, chậm nhất là 20 ngày sau khi thi.

26.5. Kết quả thi được thông báo công khai, rõ ràng sau mỗi kỳ thi.

## **Điều 27. Chấm phúc khảo**

Sinh viên có quyền đề nghị chấm phúc khảo kết quả thi cuối học kỳ bằng cách nộp đơn gửi đến P. ĐTDH và phải đóng lệ phí do Trường quy định.



Quy trình chấm phúc khảo có quy định riêng.

**Điều 28. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên và cán bộ viên chức vi phạm các quy định về thi, kiểm tra**

- 28.1. Mức độ sai phạm và khung xử lý sai phạm đối với sinh viên và cán bộ trong các đợt thi, kiểm tra, bảo vệ khoá luận tốt nghiệp được thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT và ĐHQG-HCM.
- 28.2. Trong các đợt thi, kiểm tra, bảo vệ khóa luận tốt nghiệp, nếu vi phạm quy chế, sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật đối với từng bài kiểm tra, từng học phần đã vi phạm (trừ trường hợp sinh viên thi hộ hoặc nhờ người thi hộ đã có quy định riêng).

**Điều 29. Cấp bằng điểm**

Trong quá trình học tập, sinh viên có thể đề nghị Trường cấp bằng điểm. Để thực hiện công việc này sinh viên phải làm đơn và nộp lệ phí tại P. ĐTDH theo quy định của Trường.

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên được cấp một bằng điểm kèm theo bằng tốt nghiệp.

## **Chương 4. CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP**

### **Điều 30. Thực tập, làm khóa luận hoặc học chuyên đề tốt nghiệp**

#### **30.1. Thực tập doanh nghiệp**

- Là học phần bắt buộc và tiên quyết trước khi sinh viên bảo vệ khóa luận tốt nghiệp đối với các ngành đào tạo kỹ sư, có khối lượng là 3 tín chỉ.
- Sinh viên thực tập doanh nghiệp trong tổng thời gian tối thiểu là 8 tuần, dưới sự hướng dẫn của một giảng viên do Khoa/bộ môn quản lý ngành đào tạo phân công.
- Khoa/bộ môn quản lý ngành đào tạo tổ chức báo cáo thực tập doanh nghiệp cuối mỗi học kỳ có mở môn thực tập.
- Sinh viên đăng ký thực tập doanh nghiệp trong học kỳ nào sẽ phải báo cáo kết quả thực tập vào cuối học kỳ đó theo kế hoạch của Khoa/bộ môn quản lý ngành đào tạo. Nếu sinh viên không báo cáo vào đúng đợt báo cáo của học kỳ đã đăng ký thì xem như không đạt học phần này và nhận điểm không (0). Sinh viên phải đăng ký trả nợ vào các học kỳ tiếp theo.

30.2. Để hoàn tất chương trình giáo dục bậc đại học, sinh viên phải thực hiện khóa luận tốt nghiệp hoặc học các chuyên đề tốt nghiệp.

#### **30.3. Làm khóa luận tốt nghiệp**

- Vào đầu mỗi học kỳ chính, sinh viên khi thấy đủ điều kiện có thể đăng ký làm khóa luận theo qui trình đăng ký học phần.
- Sinh viên được làm khóa luận tốt nghiệp khi thỏa các yêu cầu sau:
  - o Không còn nợ bất kỳ học phần nào trong khối kiến thức đại cương và cơ sở nhóm ngành.
  - o Không được phép nợ quá 2 môn chuyên ngành.
  - o Có điểm trung bình tích lũy tính đến thời điểm xét làm khóa luận tốt nghiệp tối thiểu 6,5 hoặc cao hơn theo yêu cầu cụ thể của Khoa/bộ môn quản lý ngành đào tạo.
- Sinh viên đủ điều kiện làm khóa luận sẽ được Khoa/bộ môn quản lý ngành đào tạo giao đề tài.

- Sinh viên thực hiện khóa luận trong thời gian là một học kỳ chính. Trường hợp đặc biệt, đề tài khóa luận cần phải làm những thí nghiệm kéo dài thì cán bộ hướng dẫn có thể giao đề tài sớm hơn. Căn cứ đề nghị của Trường khoa/Trường bộ môn quản lý ngành đào tạo và Trường P.ĐTĐH, Hiệu trưởng sẽ ra quyết định giao nhiệm vụ hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp.
- Sinh viên chỉ được bảo vệ khóa luận khi:
  - o Đã hoàn thành tất cả các học phần của chương trình giáo dục theo ngành học của mình, bao gồm cả thực tập doanh nghiệp.
  - o Hoàn thành khóa luận và được sự đồng ý bằng văn bản của cán bộ hướng dẫn.
- Hằng năm có 2 đợt bảo vệ khóa luận tốt nghiệp được xác định cụ thể trên kế hoạch đào tạo của Trường. Nếu hết thời gian thực hiện khóa luận theo quy định mà sinh viên không ra bảo vệ hoặc không được cán bộ hướng dẫn đồng ý cho ra bảo vệ vào đúng đợt chính thức xem như không đạt học phần này, điểm được ghi là không (0) và không được tiếp tục thực hiện khóa luận.

30.4. Sinh viên không thực hiện khóa luận tốt nghiệp hoặc không được tiếp tục thực hiện khóa luận hoặc có điểm khóa luận sau khi ra hội đồng bảo vệ dưới 5 sẽ phải học các môn chuyên đề tốt nghiệp sao cho tổng số tín chỉ tối thiểu là 10.

### **Điều 31. Chăm thực tập, khóa luận tốt nghiệp**

31.1. Chăm kết quả thực tập, khóa luận được thực hiện bởi hội đồng do Khoa/bộ môn quản lý ngành đào tạo đề nghị và Hiệu trưởng ký quyết định thành lập.

- Số thành viên của hội đồng chăm thực tập doanh nghiệp là 3 người, bao gồm giảng viên hướng dẫn.
- Số thành viên của hội đồng chăm khóa luận tốt nghiệp là 3 người, bao gồm: chủ tịch, ủy viên thư ký và ủy viên.
  - o Cán bộ hướng dẫn không được là thành viên hội đồng.
  - o Chủ tịch và ủy viên thư ký hội đồng không được kiêm nhiệm vai trò phản biện.
- Thành viên của hội đồng là giảng viên của Trường hoặc có thể mời những người có chuyên môn phù hợp ở ngoài Trường.



31.2. Điểm chấm khóa luận cho theo thang điểm 10 (lẻ đến 0,5) của mỗi thành viên hội đồng, người hướng dẫn và người phản biện. Điểm tổng kết là trung bình cộng (làm tròn đến 0,1) của:

- Điểm hệ số 1 của tất cả thành viên hội đồng (ngoại trừ người phản biện nếu người phản biện có trong hội đồng).
- Điểm hệ số 2 của người hướng dẫn và người phản biện.

Các chi tiết khác về khóa luận tốt nghiệp cho đào tạo bậc đại học hệ chính quy có quy định riêng.

31.3. Điểm chấm thực tập doanh nghiệp cho theo thang điểm 10 (làm tròn đến 0,5) của mỗi thành viên hội đồng; điểm tổng kết là trung bình cộng làm tròn đến 0,5 của các thành viên hội đồng (không tính hệ số).

31.4. Kết quả chấm thực tập, khóa luận phải được công bố sau mỗi buổi bảo vệ, mỗi buổi báo cáo và được tính vào trung bình chung tích lũy của toàn khóa học.

### **Điều 32. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp**

32.1. Cuối mỗi học kỳ, những sinh viên có đủ các điều kiện sau đây có thể làm đơn gửi hội đồng xét tốt nghiệp:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập trở lên.
- Đã hoàn thành nghĩa vụ học phí.
- Đã tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho ngành đào tạo mà sinh viên xin xét tốt nghiệp.
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và chứng chỉ Giáo dục thể chất.
- Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ theo quy định của Trường.
- Đạt điểm rèn luyện tích lũy tối thiểu là 50 điểm.
- Đã đạt thời lượng học tối thiểu của khóa học được quy định tại Khoản 2 Điều 6 của quy chế này.

32.2. Căn cứ biên bản và đề nghị của hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện theo quy định.

32.3. Hội đồng xét tốt nghiệp sẽ do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền làm Chủ tịch, Trưởng hoặc Phó TP. ĐTDH làm thư ký và các

thành viên là Trưởng khoa/Trưởng bộ môn quản lý ngành đào tạo, Trưởng phòng Công tác sinh viên.


### **Điều 33. Cấp bằng tốt nghiệp**

- 33.1. Bằng tốt nghiệp được cấp theo ngành đào tạo, nếu sinh viên tốt nghiệp ngành đào tạo thứ hai theo quy định tại Điều 17 của quy chế này cũng sẽ được cấp bằng tốt nghiệp chuyên ngành phụ. Bằng chỉ được cấp cho sinh viên khi đã ghi đầy đủ, chính xác các nội dung trên bằng. Xếp loại tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học quy định tại Khoản 4, Điều 25 của quy chế này và theo điểm rèn luyện tích lũy.
- 33.2. Đối với những sinh viên có kết quả học tập toàn khóa đạt "Xuất sắc" hoặc "Giỏi", loại tốt nghiệp sẽ giảm 1 bậc nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:
- Có thời gian học tập tại Trường vượt quá 02 học kỳ so với thời gian thiết kế được quy định tại Khoản 1, Điều 6 của quy chế này.
  - Đã bị kỷ luật trong thời gian học từ mức cảnh cáo ở cấp Trường trở lên.
  - Có số tín chỉ học lại vượt quá 5% tổng số tín chỉ toàn khóa.
- 33.3. Kết quả học tập của sinh viên phải được ghi vào bảng điểm theo từng học phần. Trong bảng điểm ghi rõ chuyên ngành hoặc chuyên ngành phụ (nếu có) và điểm rèn luyện tích lũy của toàn khóa học.
- 33.4. Những sinh viên không đủ điều kiện cấp bằng tốt nghiệp nhưng chưa hết thời gian tối đa được phép học, được bảo lưu các học phần có kết quả từ điểm 5,0 trở lên. Trong thời gian tối đa được phép học như quy định tại Khoản 2, Điều 6 của quy chế này, sinh viên được trở về Trường đăng ký học lại và thi cho những học phần bị điểm dưới 5,0 hoặc chưa học.
- 33.5. Những sinh viên đã hết thời hạn tối đa được phép học nhưng không đủ điều kiện cấp bằng tốt nghiệp và những sinh viên thôi học được cấp giấy chứng nhận kết quả học tập của các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo của Trường.

## Chương 5. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày      tháng      năm 2015.

Quy chế này là quy định đầy đủ và cao nhất áp dụng cho toàn thể sinh viên trong quá trình theo học bậc đại học chính quy tại Trường ĐHCNTT.

Việc điều chỉnh, bổ sung các điều khoản của quy chế do Hiệu trưởng quyết định. 

**HIỆU TRƯỞNG**



**Đương Anh Đức**